

Bản án số: 146 /2023/ HNGĐ-ST

Ngày: 26 - 6 -2023

“V/v Ly hôn giữa chị V và anh T”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN C, TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **TRẦN TÚ ANH***

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **VÕ VĂN CƯỜNG**

2. Ông **NGUYỄN VĂN BÌNH**

*- Thư ký phiên tòa: Bà **ĐẶNG THỊ THÙY DUNG** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang.*

*- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang tham gia phiên toà: Bà **TRẦN HUƠNG LINH**- Kiểm sát viên.*

Trong ngày 26 tháng 6 năm 2023 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 76 /2023/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 02 năm 2023 về tranh chấp “ Ly hôn, nuôi con chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 57/2022/QĐXX-ST ngày 15 tháng 5 năm 2023 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị **Nguyễn Thị Bích V**, sinh năm 1991

Địa chỉ: ấp H, xã B, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

2. *Bị đơn:* Anh **Nguyễn Văn T**, sinh năm 1988.

Địa chỉ: ấp H, xã B, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

(Chị V xin vắng mặt, anh T vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*- Tại đơn khởi kiện nguyên đơn chị **Nguyễn Thị Bích V** trình bày:* Do quen biết, tìm hiểu nhau nên chị và anh T tiến đến hôn nhân năm 2012, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B. Vợ chồng chung sống hạnh phúc khoảng 03 năm thì phát

sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do bất đồng quan điểm, không còn T nói chung, thường hay cãi nhau nên mất hạnh phúc. Anh chị đã ly thân khoảng 03 năm nay.

Về con chung: Có 02 con chung tên Nguyễn Quang T1, sinh ngày 14/8/2012 và Nguyễn Quang T2, sinh ngày 17/11/2018. Hiện chị đang chăm sóc cháu T2, còn anh T đang nuôi cháu T1.

Tài sản chung, nợ chung: Không có.

Chị V xin ly hôn anh T. Con chung giao anh T nuôi cháu Nguyễn Quang T1, chị nuôi cháu Nguyễn Quang T2, không ai phải cấp dưỡng nuôi con cho ai.

- Bị đơn anh Nguyễn Văn T dù được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt và không có lời trình bày.

- Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện C phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, các đương sự và ý kiến về việc giải quyết vụ án:

Ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử, đương sự thực hiện đúng qui định của pháp luật.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điều 51, 56, 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị V.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, các quy định pháp luật Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về quan hệ pháp luật: Chị Nguyễn Thị Bích V khởi kiện yêu cầu ly hôn anh Nguyễn Văn T, yêu cầu giải quyết việc nuôi con chung. Do đó xác định quan hệ tranh chấp là tranh chấp ly hôn, nuôi con chung theo qui định tại khoản 1 điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.2] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Bị đơn có nơi cư trú tại huyện C, tỉnh Tiền Giang nên thẩm quyền giải quyết vụ án là Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang theo qui định tại điểm a, khoản 1, điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.3] Sự vắng mặt đương sự trong vụ án: Nguyên đơn chị Nguyễn Thị Bích V ngày 13/3/2023 có đơn xin vắng mặt với lý do đi làm xa, xin nghỉ khó khăn. Đối với anh Nguyễn Văn T dù được triệu tập xét xử hợp lệ lần thứ 2 nhưng vẫn vắng mặt. Do đó Hội đồng xét xử căn cứ điều 227, 228, 238 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt cả 02 đương sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Xét thấy, chị V và anh T tiến đến hôn nhân năm 2012 trên quen biết, tìm hiểu nhau trước. Tuy nhiên, sau khi kết hôn anh chị chung sống hạnh phúc khoảng 03 năm thì phát sinh mâu thuẫn và ly thân 03 năm nay, không ai còn quan tâm đến ai. Nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, tính tình không hợp nên thường hay xảy ra cự cãi. Qua xác minh chính quyền địa phương không xác định được nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng. Tuy nhiên, đối với anh T dù được tổng đạt đầy đủ văn bản tố tụng nhưng không tham gia hòa giải, xét xử, không có ý kiến việc chị V ly hôn chứng tỏ anh không thiết tha đoàn tụ cùng chị V. Từ đó cho thấy tình cảm vợ chồng anh chị không còn khả năng hàn gắn, đoàn tụ, mục đích hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử xem xét cho chị V được ly hôn với anh T là phù hợp điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.2] Về con chung: Anh chị có 02 con chung Nguyễn Quang T1, sinh ngày 14/8/2012 và Nguyễn Quang T2, sinh ngày 17/11/2018, hiện cháu T1 đang sống cùng anh T, cháu T2 sống cùng chị V. Chị V đồng ý để anh T tiếp tục nuôi cháu T1, còn chị tiếp tục nuôi cháu T2. Xét thấy, con chung được anh chị chia ra nuôi dưỡng từ lúc ly thân đến nay đã có cuộc sống ổn định, bản thân cháu T1 cũng mong muốn sống với anh T. Do đó để tránh xáo trộn cuộc sống của con chung Hội đồng xét xử tiếp tục giao cháu T1 cho anh T nuôi dưỡng, giao cháu T2 cho chị V là phù hợp điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.3] Về cấp dưỡng nuôi con: Do đương sự không yêu cầu nên không đặt ra xem xét giải quyết.

[2.4] Về tài sản chung, nợ chung: Không có nên không xem xét giải quyết.

[3] Về án phí: Chị V phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo qui định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

[4] Xét lời đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C cũng phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên ghi nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 147, 227, 228, 238 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 56, 57, 81, 83, 84, 85 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị Nguyễn Thị Bích V.

1. Về hôn nhân: Cho chị Nguyễn Thị Bích V ly hôn với anh Nguyễn Văn T.

2. Con chung: Tiếp tục giao con chung chưa thành niên tên Nguyễn Quang T1, sinh ngày 14/8/2012 cho anh Nguyễn Văn T. Tiếp tục giao cháu Nguyễn Quang T2, sinh ngày 17/11/2018 cho chị Nguyễn Thị Bích V nuôi dưỡng.

Không ai phải cấp dưỡng nuôi con cho ai.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung theo qui định pháp luật.

3. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Bích V phải chịu 300.000đồng án phí dân sự sơ thẩm. Chị đã nộp 300.000đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0010944 ngày 13/02/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C xem như thi hành xong.

4. Về hướng dẫn thi hành án: T1 hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo các qui định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

5. Về quyền kháng cáo: Chị Nguyễn Thị Bích V, anh Nguyễn Văn T có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Dương sự;
- VKSND huyện C;
- Chi cục THADS huyện C;
- UBND nơi đăng ký kết hôn;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

TRẦN TÚ ANH

